TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/DS-ST
Ngày 27/5/2021
"V/v Tranh chấp hợp vay tài sản";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Tùng Mận.
2. Bà Nguyễn Thị Bạn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H' Mi Chan Niê– Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 20201, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 13/01/2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST - DS ngày 19/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2021/QĐST-DS ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Đức A, sinh năm 1992; Địa chỉ: Chung Cư C, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt,

Bị đơn: Anh Trần Hải H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trịnh Đức A trình bày có nội dung như sau:

Với mối quan hệ là đồng nghiệp cùng công tác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – Chi nhánh S nên rất thân thiết. Trên cở sở đó anh Trịnh Đức A có cho anh Trần Hải H vay tiền với số tiền còn nợ là 1.500.000.000 đồng, cụ thể.

Lần 1 ngày 12/10/2017, anh A có chuyển khoản cho anh H qua tài khoản BIDV của anh H số tài khoản 14010001309977, với tổng số tiền là 812.400.000 đồng; lần 2 ngày 17/10/2017, chuyển khoản cho anh H qua tài khoản Vietinbank của anh H số tài khoản 104867558802 với tổng số tiền là 500.000.000 đồng; lần 3 ngày 23/10/2017, chuyển khoản cho anh H qua tài khoản Vietinbank của anh H số tài khoản 104867558802 với tổng số tiền là 341.600.000 đồng.

Như vậy, toàn bộ số tiền vay 1.500.000.000 đồng qua 03 lần chuyển khoản, anh Anh đã yêu cầu anh H viết giấy mượn tiền đề ngày 23/10/2017, thể hiện nội dung anh H vay anh A số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay từ ngày 23/10/2017 đến ngày 30/10/2017, khi vay không thế chấp tài sản, giấy tờ gì, không thỏa thuận lãi suất.

Đến hạn cam kết trả nợ anh H đã không trả mà cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết do đó anh Anh khởi kiện yêu cầu anh H trả lại số tiền vay là 1.500.000.000 triệu đồng nợ gốc, về lãi suất không yêu cầu. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào thêm.

Đối với bị đơn anh Trần Hải H:

Có nơi cư trú là phường T, thành phố B, tỉnh Đắk lắk, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H cố tình lẫn tránh không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày có nội dung như sau:

Ông Trần Văn T là bố của anh Trần Hải H, anh H có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cùng với vợ chồng ông T, nhưng hiện nay không có mặt tại nhà, lâu lâu anh H chủ động gọi điện về hỏi thăm gia đình, hiện anh Trần Hải H chưa có vợ, con.

Sau khi học ra trường công tác tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Chi nhánh S từ năm 2016 đến khoản tháng 06/2018 thì bị Ngân hàng chấm dứt hợp đồng.

Việc anh Trần Hải H vay tiền của anh Trịnh Đức A như thế nào thì ông T không biết và không liên quan. Tháng 10/2019, anh A có lên nhà ông T báo nội dung anh H có nợ anh A 1.500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền viết tay ngày 23/10/2017. Ông T có tìm hiểu và thu thập các tài liệu thì thấy anh H có vay mượn tiền với anh A nhiều lần và số tiền anh H đã thanh toán cho A lớn hơn số tiền đi khởi kiện, nhưng ông T không có giấy tờ, tài liệu liệu nào để chứng minh, mà việc này là do ông T tự tính toán ra. Nay anh A khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh H thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người liên quan đã tuân thủ đúng các quy định của pháp

luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Đức A.

Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Hải H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có ly do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Hải H có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nhưng không tham gia tố tụng trực tiếp tại Tòa án để tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất để làm rõ vụ án, mà luôn vắng mặt, cố tình lẫn tránh nên Tòa án thành phố B đã thực hiện các thủ tục tống đạt đầy đủ theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử để bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 12/10/2017, anh A có chuyển khoản cho ông H qua tài khoản BIDV của anh H số tài khoản 14010001309977, với tổng số tiền là 812.400.000 đồng; Ngày 17/10/2017, chuyển khoản cho anh H qua tài khoản Vietinbank của anh H số tài khoản 104867558802 với tổng số tiền là 500.000.000 đồng và ngày 23/10/2017, chuyển khoản cho anh H qua tài khoản Vietinbank của anh H số tài khoản 104867558802 với tổng số tiền là 341.600.000 đồng, tổng số tiền qua 03 lần chuyển khoản là 1.500.000.000 đồng. Đến ngày 23/10/2017, anh Anh và anh H thỏa thuận viết thành 01 giấy mượn tiền thể hiện nội dung anh H vay anh A số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay từ ngày 23/10/2017 đến ngày 30/10/2017, không thỏa thuận lãi suất, đến hạn cam kết trả nợ

anh H đã không trả mà cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết do đó anh A khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết.

[3]. Xét phạm vi khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng, thể hiện tại giấy mượn tiền ngày 23/10/2017 là phù hợp với quyền quyết định và tự định tự định đoạt của nguyên đơn, phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 1.500.000.000 đồng số tiền vay này đã được chuyển qua tài khoản của bị đơn và được bị đơn viết giấy và ký xác nhận ngày 23/10/2017 với nội dung thể hiện bị đơn vay nguyên đơn số tiền là 1.500.000.000 đồng là đúng thực tế, phù hợp với lời khai của nguyên đơn, phù hợp với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, phù hợp với Kết luật giám định số 185/KLGĐ-PC 09 ngày 31/12/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ ký, chữ viết mang tên Trần Hải H trong giấy mượn tiền ngày đề ngày 27/10/2017 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Hải H trong hợp đồng thế chấp bất động sản, hợp đồng ủy quyền là cùng một người ký viết ra. Do đó, có căn cứ xác định ngày 23/10/2017, bị đơn anh Trần Hải H thỏa thuận viết, ký 01 giấy mượn tiền thể hiện nội dung anh H vay anh Anh số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn Ngân Hng, thời hạn vay từ ngày 23/10/2017 đến ngày 30/10/2017, không thỏa thuận lãi suất, đến hạn cam kết trả nợ anh H đã không trả mà cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Trần Hải H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6]. Đối với ý kiến của của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T cho rằng việc vay mượn tiền giữa anh A với anh H thì ông không biết và không liên quan, nếu anh H còn nợ tiền anh A thì trách nhiệm trả nợ là của anh H. Tuy nhiên, khi biết việc anh A có cho anh H vay tiền thì ông T có tìm hiểu, thu thập các tài liệu và tự tính toán thì thấy anh H có vay mượn tiền của anh A nhiều lần và số tiền anh H đã thanh toán cho anh A lớn hơn số tiền anh A đi khởi kiện. Ý kiến này của ông T không được anh Anh chấp nhận. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến của ông T là có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông T.

[7]. Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Trần Hải H phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Trả lại cho nguyên đơn anh Trần Đức A số tiền đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng khi nào thu được của bị đơn anh Trần Hải H.

[8]. Về án phí: Bị đơn anh Trần Hải H phải chịu 36.000.000 đồng + (3% x 700.000.000 đồng) = 57.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn anh Trịnh Đức A 28. 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí do anh Trần Mạnh H nôp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0005678 ngày 08/01/2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Đức A.

Buộc bị đơn anh Trần Hải H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Trịnh Đức A số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn anh Trịnh Đức A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Trần Hải H phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Trả lại cho nguyên đơn anh Trần Đức A số tiền đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng khi nào thu được của bị đơn anh Trần Hải H.

Về án phí: Bị đơn anh Trần Hải H phải chịu 57.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn anh Trịnh Đức A 28. 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí do anh Trần Mạnh H nôp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0005678 ngày 08/01/2020.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đước bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS +VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh